

Số: 01 /2023/QĐ-UBND

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 17 tháng 01 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định nội dung chi, mức chi Quỹ phòng, chống thiên tai của  
tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

Căn cứ Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ Quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tại Tờ trình số 276/TTr-SNN ngày 12 tháng 10 năm 2022 ban hành quy định nội dung chi, mức chi Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định nội dung chi, mức chi Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**Điều 2. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày .01.. tháng 02 năm 2023.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 21/2020/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành kèm theo Quyết định số 21/2020/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh; thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Các cơ quan, đơn vị, tổ chức kinh tế có liên quan trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- BCĐ TW về PCTT;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB QPPL);
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó CT.UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức đoàn thể cấp tỉnh;
- Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh;
- Trung tâm Công báo – Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, SNN, KTN.

(5)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Công Vinh**



**QUY ĐỊNH**

**Nội dung chi, mức chi**

**Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 01 /2023/QĐ-UBND*

*ngày 17 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về nội dung chi, mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**2. Đối tượng áp dụng**

Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước và nước ngoài đang sinh sống, hoạt động hoặc tham gia phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**Điều 2. Nội dung chi**

1. Chi hỗ trợ các hoạt động phòng, chống thiên tai theo khoản 1 Điều 16 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP.

2. Hỗ trợ chi thù lao cho lực lượng trực tiếp thu Quỹ.

3. Hỗ trợ chi phí hành chính liên quan đến công tác thu Quỹ cấp huyện, cấp xã, bao gồm:

a) Chi phụ cấp làm đêm, thêm giờ;

b) Chi khen thưởng;

c) Chi thanh toán dịch vụ công cộng: Tiền điện, tiền nước, tiền nhiên liệu;

d) Chi vật tư văn phòng: Văn phòng phẩm; mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng;

đ) Chi thông tin tuyên truyền, liên lạc: Cước phí điện thoại; cước phí bưu chính; cước phí internet, sách;

e) Chi họp, hội nghị, hội thảo, tập huấn: Nước uống; in, mua tài liệu; bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên; thuê hội trường, phương tiện vận chuyển;

g) Công tác phí: Tiền vé máy bay, tàu, xe; phụ cấp công tác phí; tiền thuê phòng nghỉ, khoán công tác phí;

h) Chi phí thuê mướn: Thuê phương tiện vận chuyển, thuê thiết bị;

i) Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác thu Quỹ.

4. Chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ cấp tỉnh bao gồm:

a) Chi tiền lương hợp đồng và các khoản trích theo lương theo quy định của pháp luật đối với một số công việc phục vụ hoạt động của Quỹ;

- b) Chi phụ cấp làm đêm, thêm giờ; chi phụ cấp kiêm nhiệm cho Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát và cơ quan quản lý Quỹ cấp tỉnh;
- c) Chi khen thưởng;
- d) Chi thanh toán dịch vụ công cộng: Tiền điện, tiền nước, tiền nhiên liệu;
- đ) Chi vật tư văn phòng: Văn phòng phẩm; mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng;
- e) Chi thông tin tuyên truyền, liên lạc: Cước phí điện thoại; cước phí bưu chính; cước phí internet, sách;
- g) Chi họp, hội nghị, hội thảo, tập huấn: Nước uống; in, mua tài liệu; bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên; thuê hội trường, phương tiện vận chuyển;
- h) Công tác phí: Tiền vé máy bay, tàu, xe; phụ cấp công tác phí; tiền thuê phòng nghỉ, khoán công tác phí;
- i) Chi phí thuê mướn: Thuê phương tiện vận chuyển, thuê thiết bị;
- k) Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác thu Quỹ.

5. Được điều chuyển cho Quỹ Trung ương hoặc cho các Quỹ cấp tỉnh của các địa phương khác.

### **Điều 3. Mức chi của Quỹ**

#### 1. Chi hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai

a) Hỗ trợ cho hoạt động sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm, chăm sóc y tế (gồm: Chi phí thuê mướn phương tiện, máy phát điện, nhiên liệu cho các hoạt động có liên quan; chi phí cho hoạt động thông tin; Chi phí thuốc, vắc xin; chi phí cho các trường hợp trợ giúp khẩn cấp, vật dụng y tế): căn cứ tình hình thiên tai xảy ra trên địa bàn, Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp thống kê chi phí thực tế, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét quyết định;

b) Hỗ trợ thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán: tối đa không quá 50.000 đồng/người/ngày;

c) Hỗ trợ các hoạt động tuần tra, kiểm tra phát hiện khu vực nguy cơ xảy ra rủi ro thiên tai, sự cố công trình phòng chống thiên tai: Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp phải xây dựng kế hoạch thực hiện và lập dự toán chi tiết trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt trước khi triển khai thực hiện;

d) Hỗ trợ cho lực lượng được huy động tham gia ứng phó thiên tai: Thực hiện hỗ trợ một phần cùng với Ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 19, Điều 20 và Điều 21 Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; và Mục 7 Chương II Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều. Mức hỗ trợ không quá 50 triệu đồng/người;

đ) Hỗ trợ cho lực lượng thường trực trực ban, chỉ huy, chỉ đạo ứng phó thiên tai: Thực hiện theo quy định của Bộ Luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019;



Thông tư Liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05 tháng 01 năm 2005 của liên Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức; Thông tư số 31/2017/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với người lao động làm công việc có tính chất đặc biệt trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; Điều 18 Nghị định số 30/2017/NĐ-CP.

## 2. Chi cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai

a) Cứu trợ khẩn cấp về lương thực: 15 kg gạo/người/tháng trong thời gian không quá 03 tháng cho mỗi đợt trợ giúp đối với tất cả thành viên hộ gia đình thiếu đói trong và sau thiên tai;

b) Cứu trợ khẩn cấp về nước uống, thuốc chữa bệnh và các nhu cầu cấp thiết khác: không quá 500.000 đồng/người/đợt thiên tai;

c) Cứu trợ khẩn cấp về sách vở, phương tiện học tập: không quá 200.000 đồng/học sinh/đợt thiên tai;

d) Hỗ trợ tu sửa nhà ở đối với Hộ gia đình, cá nhân có nhà ở chính bị đổ, sập, trôi, cháy, hư hỏng do thiên tai gây ra được hỗ trợ tương ứng với các mức độ thiệt hại, cụ thể như sau:

Thiệt hại từ 20% đến dưới 30%: hỗ trợ 10.000.000 đồng/hộ;

Thiệt hại trên 30% đến dưới 50%: hỗ trợ 20.000.000 đồng/hộ;

Thiệt hại trên 50% đến dưới 70%: hỗ trợ 30.000.000 đồng/hộ;

Thiệt hại trên 70% (thiệt hại hoàn toàn): hỗ trợ 40.000.000 đồng/hộ;

đ) Hỗ trợ tu sửa nhà ở đối với Hộ gia đình, cá nhân có nhà ở chính bị tốc mái do thiên tai gây ra được hỗ trợ tương ứng với các mức độ thiệt hại, cụ thể như sau:

Đối với nhà bị tốc mái dưới 10m<sup>2</sup>: hỗ trợ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng/hộ;

Đối với nhà bị tốc mái từ 10m<sup>2</sup> đến 20m<sup>2</sup>: hỗ trợ 4.000.000 đồng/hộ;

Đối với nhà bị tốc mái từ 20m<sup>2</sup> đến 40m<sup>2</sup>: hỗ trợ 7.000.000 đồng/hộ;

Đối với nhà bị tốc mái từ 40m<sup>2</sup> đến 60m<sup>2</sup>: hỗ trợ 10.000.000 đồng/hộ;

Đối với nhà bị tốc mái từ 60m<sup>2</sup> đến 80m<sup>2</sup>: hỗ trợ 15.000.000 đồng/hộ;

Đối với nhà bị tốc mái trên 80m<sup>2</sup>: hỗ trợ 20.000.000 đồng/hộ;

e) Các trường hợp không được hỗ trợ về nhà ở gồm:

Hộ có nhà làm trên đất lấn chiếm của nhà nước hoặc của các cơ quan, tổ chức cá nhân được giao quản lý, sử dụng;

Hộ cố ý trì hoãn hoặc không chấp hành sự chỉ đạo, chỉ huy ứng phó, phòng, chống thiên tai của chính quyền địa phương hoặc người có thẩm quyền; không đóng góp Quỹ phòng, chống thiên tai hàng năm theo quy định;

Hộ đã bỏ nhà đi làm ăn xa, không chăm sóc, chằng chống nhà cửa trước mùa mưa bão nên nhà bị xuống cấp, hư hỏng. Hộ dân không có tạm trú, không có tạm

vắng, khi xảy ra thiệt hại do thiên tai thì không có cơ sở để hỗ trợ và thanh quyết toán;

Hộ chỉ bị thiệt hại nhỏ ở bộ phận chính của nhà và các bộ phận phụ của nhà như mái hiên, chái bếp; chòi canh để phục vụ nuôi trồng thủy sản, trồng lúa, rau màu, chăn nuôi, buôn bán nhỏ;

g) Hỗ trợ tu sửa cơ sở y tế, trường học, tu sửa nhà kết hợp làm địa điểm sơ tán phòng tránh thiên tai; Hỗ trợ tu sửa, xử lý và xây dựng khẩn cấp công trình phòng, chống thiên tai: Mức hỗ trợ tối đa không quá 03 tỷ đồng trong tổng mức đầu tư 01 công trình và trong khả năng cân đối nguồn kinh phí của Quỹ;

h) Hỗ trợ tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai; hỗ trợ xử lý đảm bảo giao thông thông suốt cho những đoạn tuyến giao thông đường bộ quan trọng trên địa bàn bị sụt trượt, sạt lở: Căn cứ nhu cầu và tình hình thực tế của địa phương, Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn xây dựng kế hoạch, phương án, dự toán thực hiện trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt và triển khai thực hiện. Mức hỗ trợ kinh phí tối đa không quá 100 triệu đồng trong tổng mức đầu tư 01 công trình và trong khả năng cân đối nguồn kinh phí của Quỹ;

i) Hỗ trợ xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai: Căn cứ nhu cầu và tình hình thực tế của địa phương, cơ quan y tế địa phương xây dựng kế hoạch, phương án, dự toán xử lý vệ sinh môi trường, trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt và triển khai thực hiện. Mức chi tối đa không quá 50 triệu đồng cho 01 xã, phường, thị trấn bị ảnh hưởng.


k) Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai: Mức hỗ trợ theo Quyết định số 2846/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quy định chi tiết mức hỗ trợ khôi phục sản xuất nông nghiệp vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh theo Nghị định 02/2017/NĐ-CP ngày của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

### 3. Hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa thiên tai

Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp chủ động phối hợp với các đơn vị được giao quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai cùng cấp trên cơ sở cân đối nguồn tài chính của Quỹ được phân bổ, phải xây dựng kế hoạch thực hiện và lập dự toán chi tiết trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt trước khi triển khai thực hiện. Các nội dung được xem xét chi gồm:

a) Hỗ trợ hoạt động thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng chống thiên tai:

Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở; Thông tư số 03/2018/TT-BTTTT ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức kinh tế kỹ thuật về sản xuất Chương trình truyền hình; Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản.



Mức hỗ trợ theo chi phí thực tế nhưng tối đa không quá 20 triệu đồng/năm ở cấp xã; 50 triệu đồng/năm ở cấp huyện; 150 triệu đồng/năm ở cấp tỉnh;

b) Hỗ trợ lập kế hoạch phòng, chống thiên tai và phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai giai đoạn 05 năm có sự tham gia của cộng đồng: Mức hỗ trợ theo chi phí thực tế nhưng tối đa không quá 50 triệu đồng/kế hoạch cấp xã; 200 triệu đồng/kế hoạch cấp huyện; 500 triệu đồng/kế hoạch cấp tỉnh;

c) Hỗ trợ lập, rà soát, cập nhật kế hoạch phòng, chống thiên tai và phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai hằng năm: theo chi phí thực tế nhưng tối đa không quá 07 triệu đồng/kế hoạch cấp xã; 20 triệu đồng/kế hoạch cấp huyện; 50 triệu đồng/kế hoạch cấp tỉnh;

d) Hỗ trợ sắp xếp, di chuyển dân cư ra khỏi vùng thiên tai, nguy hiểm theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền do nguy cơ sạt lở, lũ lụt, thiên tai được xem xét chi phí di dời nhà ở với mức 30.000.000 đồng/hộ gia đình;

đ) Hỗ trợ phổ biến, tuyên truyền, giáo dục, tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương và cộng đồng: Mức hỗ trợ tối đa không quá 20 triệu đồng/lớp/80-100 người/1 ngày; tối đa không quá 40 triệu đồng/lớp/80-100 người/2-3 ngày;

e) Hỗ trợ diễn tập phòng, chống thiên tai ở các cấp: cấp xã tối đa không quá 50 triệu đồng/xã/đợt/năm (mỗi huyện tối đa không quá 02 xã/năm); cấp huyện tối đa không quá 100 triệu đồng/huyện/năm, cấp tỉnh tối đa không quá 200 triệu đồng/năm hoặc theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

g) Hỗ trợ mua bảo hiểm rủi ro thiên tai cho đối tượng tham gia lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã, tình nguyện viên phòng, chống thiên tai: Mức hỗ trợ theo chi phí mua bảo hiểm rủi ro thiên tai được duyệt;

h) Hỗ trợ duy trì hoạt động cho các đối tượng tham gia hộ đê, lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã, tình nguyện viên phòng, chống thiên tai: Theo dự toán hàng năm được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, nhưng tối đa không quá 30 triệu đồng/xã/năm;

i) Hỗ trợ xây dựng công cụ, phần mềm, quan trắc, thông tin, dự báo, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng: Mức chi theo dự toán hàng năm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

k) Hỗ trợ mua sắm, đầu tư phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai theo quy định: Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 20/2021/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2021 ban hành Danh mục và quy định việc quản lý, sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai. Mức chi hỗ trợ cấp xã tối đa không quá 50 triệu đồng/năm; cấp huyện tối đa không quá 100 triệu đồng/năm; cấp tỉnh theo Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh;

4. Hỗ trợ chi thù lao cho lực lượng trực tiếp thu Quỹ tại cấp xã và huyện Côn Đảo (không có cấp xã): 5% số thu thực tế hằng năm trên địa bàn (đối với các khoản thu của người lao động theo điểm c khoản 3 Điều 12 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP);

5. Hỗ trợ các chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu Quỹ: Đối với cấp xã, không được vượt quá 3% số thu thực tế trên địa bàn cấp xã; Đối với cấp huyện, không được vượt quá 3% số thu thực tế trên địa bàn cấp huyện (bao gồm cả số thu của cấp xã nộp về).

Căn cứ nội dung chi quy định tại khoản 3 Điều 2 Quy định này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã áp dụng mức chi tương tự trên địa bàn tỉnh đã được các cấp có thẩm quyền quy định đang còn hiệu lực thi hành, có hóa đơn, chứng từ hợp pháp, trong phạm vi dự toán được giao và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

6. Chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ cấp tỉnh không được vượt quá 3% tổng số thu của Quỹ cấp tỉnh.

Căn cứ nội dung chi quy định tại khoản 4 Điều 2 Quy định này, Giám đốc Quỹ áp dụng mức chi tương tự trên địa bàn tỉnh đã được các cấp có thẩm quyền quy định đang còn hiệu lực thi hành, có hóa đơn, chứng từ hợp pháp, trong phạm vi dự toán được giao và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

7. Thực hiện điều chuyển Quỹ: Theo điểm b khoản 2 Điều 10 và khoản 4 Điều 17 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP.

#### **Điều 4. Phân bổ, thu hồi Quỹ**

Căn cứ nội dung chi tại Điều 2 và số thu thực tế trên địa bàn mỗi cấp, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân bổ cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã như sau:

##### **1. Ủy ban nhân dân cấp xã**

Căn cứ vào số thu quỹ trên địa bàn, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định phân bổ Quỹ để chi các nội dung như sau:

a) Giữ lại 5% số thu trên địa bàn để hỗ trợ chi thù lao cho lực lượng trực tiếp thu của người lao động theo khoản 4 Điều 3 Quy định này;

b) Giữ lại 3% số thu trên địa bàn để chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu Quỹ;

c) Giữ lại 20% số thu trên địa bàn để chi thực hiện các nhiệm vụ chi hỗ trợ hoạt động phòng, chống thiên tai cấp xã theo khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 3 Quy định này;

d) Số tiền thu Quỹ còn lại (72% số thu trên địa bàn) nộp vào tài khoản thu Quỹ cấp huyện do Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền.

##### **2. Ủy ban nhân dân cấp huyện**

Căn cứ vào số thu quỹ trên địa bàn (bao gồm cả số thu của cấp xã nộp về), Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định phân bổ Quỹ để chi các nội dung như sau:

a) Giữ lại 3% số thu trên địa bàn để chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu Quỹ;

b) Giữ lại 20% số thu trên địa bàn để chi thực hiện các nhiệm vụ chi hỗ trợ hoạt động phòng, chống thiên tai tại cấp huyện theo khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 3 Quy định này;





c) Số tiền thu Quỹ còn lại (77% số thu trên địa bàn) nộp vào tài khoản Quỹ tỉnh.

3. Đối với Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo (không có cấp xã): xác định các đối tượng thu trên địa bàn để thực hiện việc phân bổ và chi các nội dung tương ứng theo điểm a, điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Cơ quan quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh

a) Định kỳ chậm nhất ngày 30/6 và 31/12 hàng năm, Giám đốc Quỹ trình Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định giữ lại 3% số thu của Quỹ để giao Cơ quan quản lý Quỹ quản lý, sử dụng, điều hành hoạt động của Quỹ cấp tỉnh;

b) Số tiền thu Quỹ còn lại (97% số thu của Quỹ cấp tỉnh), Ủy ban nhân dân tỉnh giao Hội đồng quản lý Quỹ quản lý, sử dụng để chi thực hiện các nhiệm vụ chi hỗ trợ hoạt động phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điều 3 Quy định này.

5. Thu hồi Quỹ

Thực hiện theo điểm c khoản 2 Điều 16 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP.

#### **Điều 5. Thẩm quyền chi Quỹ**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định nội dung chi và mức chi thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh theo đề xuất của Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định hỗ trợ hoạt động phòng, chống thiên tai trên địa bàn trong phạm vi số thu Quỹ được phân bổ tại địa phương được quy định tại Điều 7 của Quy định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện, xã quyết định nội dung chi và mức chi thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai ngoài các nội dung chi và mức chi tại Điều 2, Điều 3 của Quy định này, cho các đối tượng theo đề nghị của Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cùng cấp.

4. Thực hiện theo khoản 3, khoản 4 Điều 17 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP.

#### **Điều 6. Báo cáo, phê duyệt quyết toán**

1. Báo cáo quyết toán

a) Năm tài chính của Quỹ từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo quyết toán Quỹ với Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 20 tháng 01 hàng năm (bao gồm phần kinh phí hỗ trợ từ cơ quan quản lý Quỹ cấp trên nếu có);

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, báo cáo quyết toán Quỹ của Ủy ban nhân dân cấp xã và báo cáo quyết toán Quỹ của Ủy ban nhân dân cấp huyện (bao gồm phần kinh phí hỗ trợ từ cơ quan quản lý Quỹ cấp trên nếu có) gửi Cơ quan Quản lý Quỹ tỉnh trước ngày 31 tháng 01 hàng năm;

d) Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan quản lý Quỹ cấp huyện báo cáo kết quả thu, chi Quỹ gửi cơ quan quản lý Quỹ tỉnh trước ngày 15

hàng tháng;

đ) Cơ quan quản lý Quỹ tỉnh báo cáo quyết toán gửi Sở Tài chính trong Quý I hàng năm.

## 2. Phê duyệt quyết toán

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện xét duyệt quyết toán đối với Quỹ cấp xã;

b) Cơ quan quản lý Quỹ tỉnh thực hiện xét duyệt quyết toán đối với Quỹ cấp huyện trên cơ sở tổng hợp báo cáo quyết toán Quỹ của Ủy ban nhân dân cấp xã và báo cáo quyết toán Quỹ của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

c) Việc thẩm tra và phê duyệt quyết toán Quỹ cấp tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP.

### **Điều 7. Thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động Quỹ**

Thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP.

### **Điều 8. Chế độ thông tin, công khai nguồn thu, chi Quỹ**

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP

### **Điều 9. Trách nhiệm thi hành**

Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Thủ trưởng các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Các cá nhân, tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn tỉnh; Các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ của đơn vị có trách nhiệm tổ chức, triển khai thực hiện nghiêm túc quy định này./.